

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2026/DS-PT

Ngày: 10 - 3 - 2026

“V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Quang;

Các Thẩm phán: Bà Đinh Thị Tuyết và ông Phạm Cao Gia.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Trần Thị Xuân Linh
Byã - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 643/2025/TLPT- DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 128/2025/QĐ-PT ngày 10/02/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Buôn Chàm A, xã Yang Mao, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đặng Xuân NG, bà Ngô Thị T; địa chỉ: Thôn 1, xã Cư Pui, tỉnh Đắk Lắk, đều có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đặng Xuân NG, bà Ngô Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do có sự quen biết, bà Bùi Thị H đã cho vợ chồng ông Đặng Xuân NG bà Ngô Thị T vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

1. Ngày 23/11/2022 vay 119.000.000 đồng, trả góp, mỗi tuần 7.000.000 đồng;

2. Ngày 05/4/2023 vay 153.000.000 đồng, trả góp mỗi tuần 9.000.000 đồng;

3. Ngày 17/5/2023 vay 35.000.000 đồng, trả nợ trong thời hạn 01 tuần;

4. Ngày 27/5/2023 vay 105.000.000 đồng, trả góp mỗi tuần 9.000.000 đồng;
5. Ngày 03/6/2023 vay 75.000.000 đồng, trả nợ trong thời hạn 02 tháng;
6. Ngày 22/6/2023 vay 50.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.500.000 đồng;
7. Ngày 09/8/2023 vay 02 lần:
 - Lần thứ nhất: vay 170.000.000 đồng, trả góp mỗi tuần 10.000.000 đồng;
 - Lần thứ hai: Vay 60.000.000 đồng, thời hạn trả nợ trong 01 tháng.
8. Ngày 19/8/2023, vay 02 lần:
 - Lần thứ nhất: vay 30.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng;
 - Lần thứ hai: vay 40.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng;
9. Ngày 25/8/2023, vay 30.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng;
10. Ngày 30/8/2023, vay 40.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng;
11. Ngày 16/9/2023, vay 30.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 1.500.000 đồng;
12. Ngày 20/9/2023, vay 40.000.000 đồng, trả góp mỗi ngày 2.000.000 đồng.

Trong các lần vay trên, đến hết tháng 01/2025, vợ chồng ông NG bà T đã trả nợ xong cho bà H bằng hình thức chuyển khoản và trả trực tiếp bằng tiền mặt, bà H đã trả lại giấy nhận nợ cho bà T. Riêng khoản nợ 60.000.000 đồng lần thứ hai vào ngày 09/8/2023, vợ chồng ông NG, bà T không trả nợ cho bà H. Nên ngày 09/3/2025 bà H mới làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông NG, bà T phải trả cho bà H 60.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi phát sinh, kể từ ngày 09/8/2023 với mức lãi suất 1,5%/tháng. Tổng số tiền gốc và lãi suất tạm tính đến ngày 09/3/2025 là 77.100.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi bà H khởi kiện, bà T đã 5 lần chuyển vào tài khoản số 5205205095123 của bà H tại Ngân hàng Agribank với tổng số tiền là 6.000.000 đồng. Do vậy, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể bà H chỉ yêu cầu vợ chồng ông NG, bà T phải trả cho bà H 54.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vợ chồng ông NG, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngày 10/9/2023 đến khi vợ chồng ông NG, bà T trả xong nợ cho bà H.

****Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị T có ý kiến trình bày:***

Trong buổi làm việc ngày 07/4/2025 tại Tòa án sơ thẩm, bị đơn bà Ngô Thị T tuy không ký biên bản nhưng có trình bày nội dung như sau: Bà T cho rằng đối với số tiền 60.000.000 đồng mà vợ chồng bà T vay của bà H, bà T đã trả một số tiền cho bà H bằng phương thức chuyển tiền vào tài khoản của H, bà T chỉ còn nợ bà H khoảng 25.000.000 đồng, sau khi chốt số nợ, bà H đã đồng ý sẽ không tính lãi đối với số nợ còn lại. Đồng thời, bà T nộp cho Tòa án tờ lịch mà bà T tự viết việc theo dõi trả nợ. Ngày 27/8/2025, Tòa án cấp sơ thẩm nhận

được đơn đề nghị của bà T đề ngày 26/8/2025, kèm theo 42 tờ sao kê (bản photocopy, hình ảnh những lần bà T chuyển khoản cho bà H).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T thừa nhận vợ chồng bà T có ký giấy mượn ngày 09/8/2023, số tiền vay là 60.000.000 đồng, nhưng thực tế đây là tiền biếu và tiền góp nhưng các lần đều viết giấy mượn tiền. Tổng số tiền vợ chồng bà T đã trả cho bà H là 163.000.000 đồng và chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng. Tuy nhiên số tiền còn nợ 20.000.000 đồng thì bà T đã nhiều lần chuyển khoản dư và đưa tiền mặt. Vợ chồng bà T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và đề nghị bà H phải đối chất về các khoản tiền đã nhận của vợ chồng bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 468 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H:

1.1. Buộc vợ chồng ông Đặng Xuân NG bà Ngô Thị T phải trả cho bà Bùi Thị H 64.889.000 đồng (Sáu mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng), trong đó, tiền gốc 54.000.000 đồng và tiền lãi 10.889.000 đồng, trong số nợ 60.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 09/8/2023. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu vợ chồng ông Đặng Xuân NG bà Ngô Thị T phải trả 6.000.000 đồng tiền vay và 6.211.000 đồng tiền lãi.

2. Về án phí: Vợ chồng ông Đặng Xuân NG bà Ngô Thị T phải chịu 3.244.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30/10/2025, bị đơn bà Ngô Thị T và ông Đặng Xuân NG kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cho rằng kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự – Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Ngô Thị T và ông Đặng Xuân NG; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Ngô Thị T và ông Đặng Xuân NG làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn, nhận thấy:

Nguyên đơn bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông NG phải trả số tiền 54.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày vợ chồng ông NG, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là từ ngày 10/9/2023 đến ngày trả hết số nợ. Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp bản gốc “giấy mượn tiền” đề ngày 09/8/2023 có chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông NG bà T với nội dung “*Hôm nay, ngày 09/8/2023. Vợ chồng tôi gồm Ngô Thị T số CCCD 051185010978 cấp ngày 16/9/2021, chồng Đặng Xuân NG số CCCD 066082001865 cấp ngày 12/4/2021. Vợ chồng tôi có mượn chị H số tiền 60.000.000 đồng. Trong vòng 1 tháng sẽ trả đủ*”.

Các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, xét lời trình bày của vợ chồng bà T tại phiên tòa phúc thẩm và các bản sao kê (bản phô tô) các giao dịch chuyển khoản của bà T cho bà H trong năm 2024, 2025, thể hiện giữa bà H và vợ chồng bà T, ông NG phát sinh nhiều lần vay mượn tiền từ năm 2022, 2023 với tổng số tiền bà H cho vợ chồng bà T vay là 977.000.000 đồng (14 lần). Bà H cho rằng những giao dịch vợ chồng bà T đã trả xong thì bà H đã trả lại giấy vay gốc cho vợ chồng bà T, riêng khoản vay lần 2 vào ngày 09/8/2023 số tiền 60.000.000 đồng thì vợ chồng bà T chưa thanh toán. Sau khi bà H khởi kiện thì vợ chồng bà T đã chuyển khoản thanh toán tổng cộng 6.000.000 đồng nên bà H chỉ khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc là 54.000.000 đồng và lãi suất. Đối với các sao kê chuyển khoản bà T cung cấp thể hiện tổng số tiền vợ chồng bà T, ông NG đã chuyển cho bà H (42 lần) là 73.002.000 đồng, tuy nhiên các lần giao dịch chuyển khoản bà T không thể hiện nội dung là trả cho khoản vay cụ thể nào nên không có căn cứ chứng minh rằng đối với khoản vay ngày 09/8/2023 mà bà H khởi kiện thì bà T chỉ còn nợ 20.000.000 đồng như lời trình bày của bà T.

Về lãi suất, tại Giấy mượn tiền ngày 09/8/2023, thể hiện các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ (trong vòng một tháng), nhưng không ghi thỏa thuận lãi suất. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 10/9/2023. Tại phiên tòa sơ

thẩm, nguyên đơn yêu cầu tính lãi là 10%/năm/tổng số tiền còn nợ là 54.000.000 đồng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Cụ thể: Tiền lãi từ ngày 10/9/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/9/2025 là (54.000.000đồng x 736 ngày): 365 x 10%/năm = 10.889.000đồng (đã lấy tròn số) là đúng quy định tại Điều 357; Điều 470; Điều 468 Bộ Luật dân sự và tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Đối với số tiền chênh lệch so với đơn khởi kiện là 12.211.000đồng, trong đó tiền vay là 6.000.000 đồng, tiền lãi là 6.211.000 đồng, bà H đã tự NG rút yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu số tiền chênh lệch này của bà H là đúng quy định pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử buộc vợ chồng ông Đặng Xuân NG, bà Ngô Thị T phải trả cho bà Bùi Thị H 64.889.000 đồng, trong đó tiền gốc 54.000.000 đồng và tiền lãi 10.889.000 đồng là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đặng Xuân NG, bà Ngô Thị T. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 là phù hợp.

[3] Về án phí: Do không được chấp nhận kháng cáo nên bị đơn ông Đặng Xuân NG, bà Ngô Thị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bị đơn đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn ông Đặng Xuân NG và bà Ngô Thị T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H:

1.1. Buộc vợ chồng ông Đặng Xuân NG và bà Ngô Thị T phải trả cho bà Bùi Thị H số tiền 64.889.000 đồng (*Sáu mươi tư triệu tám trăm tám mươi chín ngàn đồng*), trong đó, tiền gốc 54.000.000 đồng và tiền lãi 10.889.000 đồng, trong số nợ 60.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 09/8/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H yêu cầu vợ chồng ông Đặng Xuân NG, bà Ngô Thị T phải trả 6.000.000 đồng tiền vay và 6.211.000 đồng tiền lãi.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông Đặng Xuân NG và bà Ngô Thị T phải chịu 3.244.000 đồng (Ba triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Đặng Xuân NG và bà Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0004758 ngày 24/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự NG thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa Phúc Thẩm – TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 6;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Quang